

VÀI Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ XÁC ĐỊNH THÀNH PHẦN DÂN TỘC TÀ ÔI, PA CÔ Ở THỪA THIÊN HUẾ

Trần Nguyễn Khánh Phong*

I. Đặt vấn đề

Vùng núi phía tây tỉnh Thừa Thiên Huế là địa vực cư trú của cộng đồng các dân tộc thiểu số Tà ôi (gồm cả nhóm địa phương Pa cô và Pa hi), Cốt và Bru - Vân Kiều, và một bộ phận nhỏ là các dân tộc thiểu số phía Bắc và miền tây Nghệ An, Thanh Hóa di cư vào sau năm 1975 như Cao Lan, Tày, Mường, Thái, Nùng. Bên cạnh đó, do yếu tố hôn nhân mà các dân tộc thiểu số phía Nam cũng có mặt tại đây theo hình thức làm dâu và ở rể nhưng với số lượng khiêm tốn như người Ba na, Chăm và Hơ rê.⁽¹⁾

Các dân tộc anh em sinh sống ở đây với tinh thần đoàn kết và tương trợ lẫn nhau trong mọi mặt của đời sống, trong đó bộ phận người Cơ tu sống tập trung ở huyện Nam Đông, hai xã Hương Nguyên, Hương Lâm và rải rác ở các xã Hồng Hạ, Hồng Thượng của huyện A Lưới. Người Tà ôi sống tập trung tại huyện A Lưới, xã Hồng Tiến (huyện Hương Trà) và xã Phong Mỹ (huyện Phong Điền), còn các dân tộc thiểu số khác cư trú trải đều trên địa bàn miền núi của tỉnh.

Trong thời gian gần đây, ngày 18/02/2008, Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế có công văn số 19/BC-BDT gửi UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xin chủ trương lập đề án xin bổ sung dân tộc Pa cô vào Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam. Ngày 05/03/2008, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành công văn số 1054/UBND-NN về việc đồng ý chủ trương lập đề án xin bổ sung dân tộc Pa cô vào Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam, công văn có đoạn viết: *“Sau khi xin ý kiến và được Thường vụ Tỉnh ủy chấp nhận chủ trương tiến hành lập đề án bổ sung dân tộc Pa cô vào danh mục các dân tộc Việt Nam, UBND tỉnh có ý kiến như sau:*

Giao cho Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa-Thông tin, Ủy ban Nhân dân huyện A Lưới và các cơ quan liên quan tổ chức điều tra, xác minh lập đề án trình Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban Nhân dân tỉnh để xem xét thống nhất đề nghị Chính phủ bổ sung dân tộc Pa cô vào danh mục các dân tộc thiểu số Việt Nam”.⁽²⁾

Như vậy, sau nhiều năm ấp ủ, chuẩn bị, giờ đây các cơ quan chức năng làm công tác dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế bắt tay vào việc xác định lại thành

* Trường THPT A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

phần dân tộc Tà ôi, Pa cô, tức là xin bổ sung dân tộc Pa cô vào Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam. Vấn đề này không những mang tính thời sự, chính trị, ổn định vùng mà còn ảnh hưởng đến tâm lý người dân. Cho nên, các nhà nghiên cứu dân tộc học, các nhà hoạch định chính sách, kinh tế, giáo dục, y tế, xã hội... cần phải có tiếng nói góp phần làm sáng tỏ tộc danh Tà ôi, Pa cô ở tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

II. Điềm qua những số liệu về người Tà ôi, Pa cô

1. Số liệu chung

- Năm 1999, người Tà ôi ở Việt Nam có 34.960 người.⁽³⁾

Cũng có số liệu cho rằng người Tà ôi ở Việt Nam có 34.841 người, trong đó ở miền Trung có 34.823 người, Tây Nguyên có 18 người.⁽⁴⁾

Có tài liệu nêu cũng trong năm 1999, người Tà ôi ở Tây Nguyên có 16 người, trong đó: tỉnh Gia Lai 8 người (huyện Mang Yang 5 người, thành phố Pleiku 3 người).⁽⁵⁾

- Năm 2004, người Tà ôi ở Việt Nam có 37.353 người, trong đó huyện A Lưới 27.135 người, huyện Đăkkrông 7.446 người, huyện Hướng Hóa 2.733 người, các huyện còn lại 39 người.⁽⁶⁾

- Năm 2005, người Tà ôi ở Tây Nguyên là 22 người, trong đó tỉnh Kon Tum có 11 người, tỉnh Gia Lai có 11 người (Số liệu tính đến hết ngày 31/12/2005).⁽⁷⁾

2. Số liệu riêng về người Tà ôi, Pa cô ở Thừa Thiên Huế

Bảng 1: Dân số, thành phần và địa bàn phân bố của người Tà ôi ở Thừa Thiên Huế (Tính đến tháng 6 năm 2006)

STT	Huyện, xã	Tổng dân số			Dân tộc thiểu số			Dân số các nhóm Tà ôi	
		Thôn	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Pacô	Tà ôi	Pahy
I	H. A Lưới	131	8449	40888	6569	31121	16684	10281	160
1	Hồng Quảng	6	387	1892	399	1839	1728	84	2
2	Hồng Kim	6	324	1624	315	1510	1462	27	9
3	Hồng Vân	6	513	2355	495	2305	2226	51	13
4	Hồng Hạ	5	279	1328	254	1173	296	213	53
5	Hương Lâm	6	376	1752	330	1568	56	75	0
6	Hương Nguyên	6	210	1137	204	1100	6	0	0
7	Hồng Thượng	7	400	1893	321	1547	1437	38	7
8	Hồng Bắc	5	375	1795	547	1836	1831	0	0
9	Thị trấn A Lưới	7	1475	6312	499	2131	1739	216	70
10	A Ngo	10	577	2837	518	2388	57	2314	0
11	Hồng Thái	7	255	1276	253	1250	3	1247	0
12	Nhâm	8	378	1944	376	1930	28	1897	1
13	Hồng Trung	6	359	1735	356	1489	1423	42	5
14	Hồng Thủy	7	452	2469	435	2326	2300	23	0
15	Đồng Sơn	6	227	1208	191	1142	793	278	0
16	A Đốt	7	377	2047	369	1967	2	1663	0
17	A Roàng	9	442	2300	440	2281	6	2090	0
18	Bắc Sơn	4	206	1026	206	989	989	0	0

19	Sơn Thủy	7	564	2645	0	1	1	0	0
20	Hương Phong	2	77	342	0	0	0	0	0
21	Phú Vinh	4	196	971	61	349	301	23	0
II	H. Hương Trà	4	184	825	146	574	47	2	372
1	Hồng Tiến	4	184	825	146	574	47	2	372

(Nguồn: Ban Dân tộc Thừa Thiên Huế; Dân số, lao động, tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc miền núi phân theo huyện, tỉnh Thừa Thiên Huế, Huế 6/2006)

Bảng 2: Tổng hợp cơ cấu thành phần dân tộc Tà ôi ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, tính đến ngày 15/07/2007

STT	Xã,thị trấn	Pacô			Tà ôi			Pa hi		
		Hộ	Khẩu	Nam	Hộ	Khẩu	Nam	Hộ	Khẩu	Nam
1	Hồng Quảng	407	1794	955	0	85	0	0	02	0
2	Hồng Kim	337	1493	795	04	28	9	02	10	04
3	Hồng Vân	519	2321	1094	07	38	14	03	10	01
4	Hồng Hạ	88	342	170	41	191	101	07	35	21
5	Hương Lâm	01	57	05	07	83	09	0	0	0
6	Hương Nguyên	01	16	02	0	02	00	0	0	0
7	Hồng Thượng	314	1609	766	07	35	08	02	08	02
8	Hồng Bắc	404	1834	892	0	0	0	0	0	0
9	Thị trấn A Lưới	387	1633	874	63	236	118	19	72	26
10	A Ngo	16	142	40	541	2330	1226	0	01	0
11	Hồng Thái	01	04	03	266	1310	689	0	0	0
12	Nhâm	01	34	01	403	1913	843	0	01	0
13	Hồng Trung	362	1614	780	10	54	24	0	06	0
14	Hồng Thủy	485	2339	1183	05	33	11	0	0	0
15	Đồng Sơn	169	885	449	57	262	109	0	0	0
16	A Đốt	0	0	0	338	1687	856	0	0	0
17	A Roàng	0	0	0	423	2163	1073	0	0	0
18	Bắc Sơn	213	1017	524	0	0	0	0	0	0
19	Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Hương Phong	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Phú Vinh	75	305	156	0	23	06	0	0	0
Tổng cộng		3780	17439	8689	2172	10473	5096	33	145	54

(Nguồn: UBND huyện A Lưới, Phòng Dân tộc-Tôn giáo: Báo cáo tổng kết công tác Dân tộc - Tôn giáo năm 2007, phương hướng, nhiệm vụ năm 2008).

Qua những số liệu trên đây, cho chúng ta thấy rằng nhóm Pa cô, Pa hi được đưa chung vào người Tà ôi và xem như là một bộ phận của người Tà ôi. Thế nhưng từ nhiều năm qua trong dân tộc này có gần 20.000 người tự nhận mình là Pa cô, số còn lại hơn 17.000 người tự nhận Tà ôi.⁽⁸⁾

Để làm sáng tỏ vấn đề này, chúng tôi xin góp thêm một vài tư liệu mới nhằm làm sáng tỏ vấn đề thành phần dân tộc Tà ôi, Pa cô ở Thừa Thiên Huế như các nhà nghiên cứu đi trước đã làm.⁽⁹⁾

III. Vài ý kiến về vấn đề xác định thành phần dân tộc Tà ôi, Pacô ở Thừa Thiên Huế

1. Không gian cư trú giữa người Tà ôi và Pa cô

Truyện cổ Tà ôi đã giải thích về không gian cư trú của họ là ở vùng cao hơn so với người Pa cô.⁽¹⁰⁾ Hiện tại, sự phân bố dân cư giữa hai nhóm

người Tà ôi và Pa cô ở A Lưới thể hiện rất rõ đặc trưng cư trú của họ, mạn núi cao ở phía tây-tây nam là người Tà ôi sống tập trung ở các xã Nhâm, Hồng Thái, A Ngo, A Đốt và A Roàng, mạn thung lũng nhỏ và dài ở phía bắc là nơi cư trú của người Pa cô sống tập trung ở các xã Hồng Bắc, Hồng Quảng, Hồng Kim, Bắc Sơn, Hồng Trung và Hồng Vân. Sau này khi có các chính sách định canh định cư, chủ trương di dân, dân dân được thực hiện thì người Pa cô được phân về sống tập trung tại xã Hồng Thượng, Đông Sơn (thuộc thung lũng A So phía nam của huyện A Lưới). Qua ngọn đồi Pêke án ngữ địa hình phía bắc của huyện A Lưới với độ dốc 10%, chiều dài 8.000m, là thung lũng khá rộng, cư dân Pacô lại sống dọc triền sông Đăkrông gồm các xã Hồng Thủy (huyện A Lưới), A Bung, A Ngo, Tà Rụt và A Vao (huyện Đăkrông, tỉnh Quảng Trị).



Một góc làng của người Pa cô

Địa hình cư trú của người Tà ôi ở A Bả

Qua sự phân cách địa hình cho chúng ta thấy “người Pa cô cư trú ở vùng thấp, trong các thung lũng, các con sông, suối, địa hình tương đối bằng phẳng”.⁽¹¹⁾

Một đặc trưng khác biệt giữa người Tà ôi và Pa cô là tùy theo không gian cư trú mà người Pacô có cách gọi tộc danh riêng theo công thức:

- Tên tộc người + tên địa danh: Pa cô Tà Rình, Pa cô Đăkrông...
- Tên tộc người + tên sản vật: Pa cô Alông, Pa cô Ale...

Trong đó, Tà Rình là tên con sông chảy từ đỉnh núi Động Ngải về nhập vào sông A Sáp, sông Tà Rình chảy qua các xã có người Pacô cư trú như đã nói ở trên. Alông là tên loài hoa đỗ quỳen mọc ven sông Tà Rình cùng các con suối nhỏ khác. Ale là loại tre nhỏ bằng cán chổi mọc ven sông suối Tà Rình, Đăkrông. Đăkrông là con sông bắt nguồn từ phía tây Trường Sơn hướng A Lưới, chảy qua địa phận các xã Hồng Thủy, A Bung, A Ngo, Tà Rụt và A Vao, nơi có người Pa cô cư trú như đã trình bày ở trên.

Nét đặc trưng về cách gọi ở tộc người Pa cô này không thấy có ở người Tà ôi. Người Pa cô dùng tên gọi Phường để chỉ người Cơ tu, Tà ôi A sáp để chỉ người Tà ôi và Klang để chỉ người Bru - Vân Kiều cận cư với họ.

2. Cấu trúc làng bản của người Tà ôi và Pa cô

Người Tà ôi ở Thừa Thiên Huế cũng giống như các dân tộc khác ở khu vực Trường Sơn như Bru - Vân Kiều, Cơ tu hoặc Giẻ Triêng ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Nam, cấu trúc làng bản có nhiều nét tương đồng vì “...do nơi đây xưa núi rừng rậm rạp, thường có nhiều thú dữ, trong xã hội thường xảy ra những cuộc săn đầu người (hoặc săn máu) nên làng bản của đồng bào cũng được tạo dựng theo kiểu làng phòng thủ, các nhà dân ở xung quanh, ngôi nhà làng ở giữa, xung quanh làng được rào giậu kiên cố. Do tính chất phòng thủ nên nhà nọ sát liền nhà kia, làng nào cũng có hai cổng, một chính và một phụ, được canh phòng cẩn mật”.⁽¹²⁾

Vì ở vùng đất khá bằng phẳng nên người Pa cô bố trí nhà khá liền kề nhau theo hình vành khuyên, hình móng ngựa, theo hàng hoặc dãy dài. Bên ngoài làng có hàng rào bao bọc quanh làng chỉ có 1 lối cửa để đi ra vào. Và điều đặc biệt quan trọng là mỗi dạng nhà dù hình khuyên, hình móng ngựa, hay hàng, dãy đều có 1 phòng khách rộng được bố trí ở gian giữa để đón khách chung của làng, của gia tộc, gọi là nhà Moòng làng.

Trong khi đó làng của người Tà ôi thì chỉ có 1 ngôi nhà Rông nằm ngay giữa làng là nơi sinh hoạt chung cho cả cộng đồng. Sau này, bởi sự tác động của nhiều mặt, cấu trúc làng bản của người Tà ôi dần dần giống với làng bản của người Pa cô, điều này thể hiện rõ nhất ở huyện A Lưới.

3. Nghề thủ công truyền thống giữa người Tà ôi và Pa cô

Người Pa cô không biết nghề trồng bông kéo sợi nên không biết nghề dệt Dzèng.⁽¹³⁾ Trong khi đó ở người Tà ôi, nghề trồng bông dệt vải Dzèng đã có từ lâu đời và thậm chí cho đến ngày nay nhiều người còn lấy nghề này để làm kế sinh sống. Và hiện tại có đến 40% dân số Tà ôi biết phát huy nghề dệt truyền thống này.⁽¹⁴⁾



Phụ nữ Tà ôi với trang phục và mái tóc truyền thống



Trang phục của phụ nữ Pa cô

Theo điều tra của chúng tôi, nghề thủ công truyền thống giữa người Tà ôi và người Pa cô khác nhau như sau.

Bảng 3: Thống kê một số nghề thủ công truyền thống của hai dân tộc

TT	Nghề thủ công truyền thống	Dân tộc	
		Tà ôi	Pa cô
1	Dệt Dzèng	x	Phải mua từ người Tà ôi
2	Làm vật dụng nổi, ống tẩu bằng đất nung	x	Chỉ làm được ống tẩu bằng tre, gỗ
3	Đan chiếu, gổ	x	x
4	Làm các loại rượu	x	x
5	Đẽo tượng nhà mồ	x	Không làm được
6	Làm các loại nhạc cụ	x	Chỉ làm được sáo dọc
7	Làm quan tài	x	x
8	Làm các dụng cụ săn bắn	x	Không làm được cung nỏ
9	Làm các loại dụng cụ đánh bắt cá	x	x
10	Đan lát	x	Không biết đan chiếc Tilek và Cru
11	Chỉnh thanh la, cồng chiêng	x	x

(Nguồn: Trần Nguyễn Khánh Phong: *Danh sách nghề nhân Tà ôi truyền nghề ở Việt Nam. Tính đến thời điểm ngày 30/06/2008*, Tài liệu hạn chế)

4. Vốn văn nghệ dân gian giữa hai dân tộc

Người Tà ôi gọi truyện cổ là Anxoar, trong lúc người Pa cô không có tên gọi cho thể loại này mà họ chỉ nói là hát kể.

Người Tà ôi có 6 làn điệu dân ca: Cà loi, Ba bói, Cha chấp, Ru akay, Roin, Radôi. Trong khi đó người Pa cô có các làn điệu Cha chấp, Atêraving và Rirôi. Tuy nhiên cả hai dân tộc này khi khóc đám họ sử dụng hai làn điệu khác nhau là Radôi và Rirôi nhưng nội dung và tiết tấu khóc, kể lẽ lại có phần giống nhau.

Trong sinh hoạt văn hóa dân gian của trẻ em, trẻ em Tà ôi có một kho tàng trò chơi dân gian phong phú, mang tính vận động và trí tuệ cao. Trong lúc đó trẻ em Pa cô có những trò chơi gần giống với trò chơi trẻ em của người Việt.

5. Về mặt ngôn ngữ

Cả người Tà ôi và Pacô đều không có chữ viết, mà chỉ sử dụng bộ chữ viết theo hệ Latinh. Hệ chữ viết theo kiểu Latinh này được sáng chế dựa trên cách ghi âm của chữ Quốc ngữ và phổ biến từ năm 1957. Đến năm 1983, bộ chữ viết Pa cô - Tà ôi được xây dựng mới theo chương trình hợp tác giữa UBND tỉnh Bình Trị Thiên và Viện Ngôn ngữ học.⁽¹⁵⁾

Mặc dù được phiên âm theo kiểu Latinh nhưng giữa người Tà ôi và Pa cô đều có cách phát âm khác nhau theo các bảng so sánh dưới đây.

Bảng 4: Bảng từ vựng chỉ các bộ phận của cơ thể và chỉ loài vật

Từ vựng chỉ bộ phận cơ thể				Từ vựng chỉ loài vật			
STT	Việt	Tà ôi	Pacô	STT	Việt	Tà ôi	Pa cô
1	Đầu	Plu	Plô	1	Con bò	Karrók	Karróq
2	Tay	Atai	Ati	2	Bò cạp	Kardeam rằm	Kandeam rằm
3	Bàn chân	Tappang júng	Tallang júng	3	Con cáo	Atéek	Ameeq
4	Bụng	Pallúng	Pallúng	4	Con chuột	Amoot	A ất
5	Lưng	Hóng	Króng/kik	5	Con ếch	A kut	A kuat

6	Mắt	Mắt	Mắt	6	Con hổ	Avoaq	Kula
7	Mũi	Moóh	Moóh	7	Con kỳ nhông	Koai ka yóng	Koai tulua
8	Miệng	Bóng kang	Ngkang	8	Con lợn rừng	Rlap/rmol	Rlap/kune
9	Tai	Kitoór	Kutoor	9	Con nhím	Acheéng	Aseang
10	Chân	Júng	Júng	10	Con vịt	Adaq	Ata

(Nguồn: Sách học tiếng Pacô - Tà ôi. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên, Huế, 1986. Từ trang 122 - 310)

Bảng 5: Bảng từ vựng chỉ các loại cây cỏ và chỉ các vật dụng trong gia đình

Từ vựng chỉ các loại cây cỏ				Từ vựng chỉ các vật dụng trong gia đình					
STT		Việt	Tà ôi	Pacô	STT		Việt	Tà ôi	Pacô
1	Bí đỏ	Adâk	Kadúrk taq	1	Áo toi	Tâi	Tôoi		
2	Cây bưởi	Pis lúng	Piaih lúng	2	Áo vỏ cây	Amâng	Amúng		
3	Cây chanh	Pis cheng	Cheng	3	Bàn thờ	Ntóc	Tool krúh		
4	Chôm chôm	Krul	Krool	4	Cái cày	Kăi	Kanăi		
5	Khoai môn	Poang	Poóng	5	Cần câu	Tong abăs	Tong abăih		
6	Củ kiệu	Adíu	Akiau	6	Cái chén	Kichok	Tingang		
7	Lúa tẻ	Aro	Kisăi	7	Đá mài	Anít	Karnít/Kanít		
8	Cây nấm	Tri	Tria	8	Đòn gánh	Rnoong	Karruang		
9	Rau cải	Apâi	Api	9	Cái khăn	Kartun	Kantun		
10	Cây xoài	Pril	Tual	10	Cái lược	Tarrăs	Kan chik		

(Nguồn: Sách học tiếng Pacô - Tà ôi. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên, Huế, 1986. Từ trang 122 - 310)

Trong giao tiếp ngôn ngữ giữa người Tà ôi, Pa cô, Pa hi với Cơ tu, Bru - Vân Kiều cận cư có một điều đặc biệt:

+ Người Tà ôi, Cơ tu, Bru - Vân Kiều nói thì người Pa cô hiểu và trả lời được.

+ Người Pa cô nói thì người Tà ôi, Cơ tu và Bru - Vân Kiều có nhiều từ không hiểu và trả lời không tự tin lắm.

Cho nên, trong vấn đề học tiếng dân tộc thiểu số ở Thừa Thiên Huế, người học thường chọn học tiếng Pa cô thông dụng hơn tiếng các dân tộc khác trên địa bàn, vì tiếng Pa cô có đặc điểm dễ phát âm, dễ hiểu, dễ nhớ và trong bất cứ tình huống và không gian nào thì tiếng Pa cô cũng trở nên thông dụng.

Giữa người Tà ôi và Pa cô đều có sử dụng song ngữ và đa ngữ nhưng người Tà ôi sử dụng một cách nhanh chóng và rộng rãi hơn trong khi đó người Pa cô thì ngược lại. Theo chúng tôi, đó là do trình độ học vấn của người Tà ôi có nhiều tiến triển trong khi đó học sinh người Pa cô nói và sử dụng ngoại ngữ rất hạn chế.

Người Pa cô ở A Lưới có cách phát âm khác với người Pa cô ở Đăckrông (Quảng Trị) tuy sự khác nhau này không nhiều.

Bảng 6: Sự khác nhau giữa tiếng Pa cô ở A Lưới và Đăckrông

Stt	Tiếng Pacô ở A Lưới		Tiếng Pacô ở Đăckrông	
1	Uống	Ngỏi	Uống	Ngoải
2	Ăn ngon	Lư say	Ăn ngon	Lư diem
3	Cái bát	Ti hương	Cái bát	Ta hương
4	Nước	đăh	Nước	đôh



Tư thế và công cụ lao động của người Pa cô ở xã Hồng Quảng (trái) và người Tà ôi ở xã Nhâm (phải) khác nhau rất rõ.

Để có một cái nhìn tổng quát về vấn đề đang bàn, chúng tôi tổng hợp một số điểm khác nhau cơ bản giữa các nhóm tộc người thuộc dân tộc Tà ôi ở bảng 7

Bảng 7: Một số điểm khác nhau cơ bản giữa các nhóm tộc người dân tộc Tà ôi

TT	Lĩnh vực	Dân tộc Tà ôi		
		Tà ôi	Pa cô	Pa hi
1	Không gian cư trú	Trên lưng chừng đồi	Ven sông suối và tập trung ở thung lũng	Sống ở vùng thấp hơn
2	Trồng trọt	Gậy chọc lỗ dài 2-2,5m, vừa chọc lỗ vừa tra hạt, khi chọc lỗ thì người đứng thẳng	Gậy chọc lỗ rất ngắn, từ 0,5 - 1m, khi chọc lỗ thường ngồi hoặc khom lưng	Giống như người Pa cô
3	Chăn nuôi	Lợn thả rông và không có máng cho lợn ăn	Lợn nuôi trong chuồng hoặc khoanh tròn dưới sàn nhà, có máng cho lợn ăn, chiếc máng làm bằng thân cây khoét rỗng	Chăn nuôi gia súc ở chuồng trại
4	Nghề truyền thống	Phát triển trên 20 nghề, nổi bật nhất là nghề dệt Dzèng và đan lát, làm rượu	Không có nghề dệt Dzèng	Không có nghề dệt Dzèng
5	Thương nghiệp	Giỏi trao đổi hàng hóa, có thờ thần Buôn bán	Không thấy có	Không thấy có
6	Làng bản, nhà cửa	Có nhà dài, hoặc nhiều nhà và ở tập trung theo hướng nhích cao dần về phía sau, có chòi để thóc hình bầu dục	Không có nhà Rông, chỉ có nhà Moòng, ở theo lối quây quần, xây mặt hướng vào nhau, nhà để thóc hình chữ nhật	Không có nhà cộng đồng, không có chòi để thóc
7	Ăn uống	Ăn bốc, sử dụng nồi đất đen. Chuyên làm rượu đoác, rượu mây	Ăn bằng chén sứ, nấu bằng nồi đồng. Không làm được rượu đoác nhưng giỏi làm rượu sắn, rượu gạo, rượu kê	Giống như người Pa cô
8	Trang phục, trang sức	Trong cách phục sức, sản phẩm để mặc chủ yếu là do trao đổi trong phạm vi nội tộc. Đàn bà mặc váy, đàn ông đóng khố. Nhóm Tà uốt ngày trước phụ nữ thường quần một loại váy dài (Adơ) phủ từ ngực đến chân. Hoa tai bằng ngà voi, lỗ ô, bạc. Đàn ông đeo hoa tai và xăm mình.	Nhóm Pa cô thường mặc váy ngắn hơn vì nửa thân trên mặc áo Adă, đàn ông mặc quần dài, áo vải Dzèng mua từ người Tà ôi. Hoa tai chủ yếu bằng bạc và nhôm. Đàn ông không thấy có xăm mình.	Mua từ người Tà ôi và người Việt. Trang sức giống người Pa cô



Người Tà ôi rất giỏi nghề đan lát và đeo tượng nhà mồ

IV. Kết luận

Việc xác định lại thành phần dân tộc Tà ôi, Pa cô ở Thừa Thiên Huế sẽ có ý nghĩa đáp ứng tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của người dân. Song trong tình hình hiện nay chúng ta nên xem vấn đề này đã phù hợp với hoàn cảnh đất nước và địa phương hay chưa? Người trong cuộc sẽ có ý kiến gì, các nhà dân tộc học và các nhà hoạch định chính sách không những của địa phương mà còn của quốc gia nghĩ gì? Riêng bản thân chúng tôi, sau nhiều năm sinh sống, điều tra, điền dã, phỏng vấn, tiếp thu ý kiến ở vùng người Tà ôi, Pa cô nên xin có vài ý kiến kết luận như sau.

Vấn đề xác định lại thành phần dân tộc Tà ôi, Pa cô ở nước ta đã được nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Mạnh đề cập đến cách đây đã lâu và có kết luận rằng: *“nên tách người Tà ôi và người Pa cô thành hai tộc người riêng biệt và sử dụng tên gọi Pa cô làm tộc danh của nhóm người này là phù hợp và chấp nhận được”*.⁽¹⁷⁾ Chúng tôi đồng tình với ý kiến trên song lại nghĩ rằng chúng ta chưa thể làm trong trường hợp này vì lý do sau:

- Chúng tôi vẫn băn khoăn một vấn đề, nếu Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế lập đề án này đối với người Tà ôi, Pa cô ở Thừa Thiên Huế vậy thì người Pa cô ở Quảng Trị sẽ ra sao, không thấy có sự hợp tác cùng làm giữa các cơ quan chức năng của hai tỉnh này. Vấn đề người Pa hi hiện tại đang là nhóm địa phương của người Tà ôi, nếu tách người Pa cô thì người Pa hi sẽ về nhóm nào hay người Pa hi cũng đòi tách ra một cách độc lập như người Pa cô.

- Xuất phát điểm của việc hình thành đề án này được bắt nguồn từ những lần đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp xúc cử tri tại huyện A Lưới. Bởi ý thức tự giác dân tộc được người Pa cô ghi nhận như là một dấu ấn lịch sử kể từ khi anh hùng Hồ Vai ra Bắc gặp Bác Hồ từ năm 1965, thêm nữa trên các giấy tờ tùy thân người dân vẫn ghi thành phần dân tộc Pa cô đối với người tự nhận mình là người Pa cô.

- Nên chăng chúng ta không vội vàng, dấu biết rằng giữa hai tộc Tà ôi và Pa cô có những nét tương đồng và dị biệt nhưng chúng ta cần có những

cuộc hội thảo, hội nghị, các buổi nói chuyện... sao cho có đầy đủ tư liệu khoa học, nhân chứng văn hóa, nhân lực, tài chính. Và điều quan trọng hơn hết chúng ta chờ những chủ trương của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Dân tộc, Viện Dân tộc học, Viện Ngôn ngữ học, Viện Nghiên cứu văn hóa... thì công việc mới có thể gọi là suôn sẻ.

Vấn đề dân tộc thiểu số, biên giới, tôn giáo là vấn đề mang tính thời sự, nhạy cảm. Đâu phải chỉ có người Pa cô đề nghị bổ sung vào Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam mà sẽ còn nhiều nhóm địa phương của các dân tộc khác. Cách tốt nhất chúng ta nên thực hiện phương châm: “... luôn luôn có sự hòa hợp giữa các dân tộc, mặc dầu mỗi dân tộc vẫn giữ sắc thái riêng của mình”.⁽¹⁷⁾

CHÚ THÍCH

1. Tính đến ngày 15/05/2007, ở A Lưới số dân các dân tộc thiểu số từ phía Bắc và Tây Nguyên di cư đến như sau: Hơ rê: 2 người, Mường: 15 người, Tày: 2 người, Cao Lan: 3 người, Thanh(?): 5 người, Bana: 3 người, Chăm: 2 người, Thái: 2 người, Nùng: 2 người.
2. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Công văn số 1054/UBND-NN v/v đồng ý chủ trương lập đề án bổ sung dân tộc Pa cô vào danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam. Huế, 05/03/2008. 1 trang.
3. Hà Quế Lâm, *Xóa đói giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay - Thực trạng và giải pháp*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, trang 186.
4. Khổng Diễn, “Sự ra đời tạp chí Khoa học xã hội miền Trung - Tây Nguyên, đánh dấu một mốc mới trong quá trình phát triển”. Tạp chí *Khoa học xã hội miền Trung - Tây Nguyên*, số 1. 2008, trang 3.
- 5,7. Nguyễn Thị Kim Vân, *Chuyển biến kinh tế - xã hội Bắc Tây Nguyên (1945 - 1995)*. Nxb Đà Nẵng, 2008, trang 205, 206.
- 6, 8, 9, 11. Nguyễn Văn Mạnh: “Vài suy nghĩ về thành phần tộc người Tà ôi ở nước ta”. Tạp chí *Dân tộc học*, số 6(138), 2005, trang 49.
10. Chuyện kể rằng: “Ở làng nọ, có một bà lão sống trong cảnh neo đơn, không nơi nương tựa. Cuộc sống của bà rất cực khổ, có gì ăn nấy. Hàng ngày đôi lúc người trong làng cảm thấy thương nên đem đến cho bà củ sắn, trái bắp, có khi là chén cơm, những thứ này bà lấy làm quý lắm và luôn luôn hết lòng biết ơn mọi người.
Ngày nọ, bà lão đi suối bắt cá, nhưng mất đến nửa ngày mà chẳng có con cá nào, đến khi xế chiều bà vớt được một cái trứng to bằng quả trứng vịt, bà lão mừng lắm đem trứng về nhà gửi gà của hàng xóm ấp hộ những mong có con vịt để nuôi làm bầu bạn. Sáng mai ra, bà lão nghe tiếng trẻ con khóc ở ngoài nhà, bà vội chạy xuống cầu thang xem sao thì thấy có một đứa trẻ người đồ hỏn đang nằm trong một ổ gà to tướng. Nhìn quanh bà chẳng thấy con gà mái đâu cả thì bà biết ngay quả trứng ngày hôm qua đã nở thành người. Điều này làm bà vừa cảm thấy vui vì sẽ có cháu, có người trò chuyện nhưng vừa lo vì sợ đó là con của thần Tudê (thần Sông) sợ thần quở phạt cả dân làng là bà phải mang tội lớn. Chính nỗi lo sợ đó mà bà lão đã thông báo ngay cho cả dân làng biết. Trong chốc lát cả làng đã ùn nhau kéo đến nhà bà lão để xem đứa trẻ, ai cũng tấm tắc khen đứa bé khôi ngô tuấn tú. Vị già làng thấy vậy cũng mừng thay cho bà lão và đã đặt cho đứa bé một cái tên thân thương, dễ nhớ nhất, đó là Klong Cọ, đặt tên xong, vị già làng liền nói với mọi người rằng:

- Đứa bé này là con của làng ta, bà lão sẽ là người nuôi nấng nó, sau này lỡ có chuyện gì xấu thì cả làng cùng chịu.

Mọi người nghe già làng nói vậy thì đồng tình ủng hộ và bà lão cũng thấy yên tâm hơn. Từ đó Klong Cọ được bà lão chăm sóc, cho ăn uống cẩn thận và được sống trong bàn tay che chở của dân làng. Mấy năm sau, Klong Cọ đã đến tuổi trưởng thành, chàng biết đi rẫy, đi săn thú, tự tay chàng biết đan những vật dụng cho bà.

Sống với dân làng, Klong Cọ giúp làng phát nương làm rẫy, tìm các giống lúa rẫy ngon nhất không biết từ đâu đem về cho dân làng trồng. Mùa rẫy này qua mùa rẫy khác tới, một hôm khi mùa màng thu hoạch xong, lễ cúng thần Lúa đã hoàn tất, chàng Klong Cọ thưa rõ chuyện với già làng và dân làng rằng, chàng chính là con trai của thần Tudê ở dưới nước, được cha sai lên trần gian để tạo ra các giống lúa giúp dân. Nay công việc đã xong, đã đến lúc chàng phải từ biệt dân làng để về lại thủy cung dưới dòng sông A Sáp. Chàng vừa nói xong, dân làng chưa kịp nói gì thì Klong Cọ đã biến mất.

Dân làng biết ơn chàng vô cùng, còn bà lão thì khóc nức nở bởi chàng đi rồi thì bà trở nên neo đơn như cũ. Tiếng khóc của bà mỗi lúc một to hơn như thể động lòng Klong Cọ, bà chạy nhanh ra bờ sông A Sáp khóc tiếp mấy ngày, dân làng ai cũng cảm động, họ cùng nhau ra sông an ủi bà. Tình cảm của dân làng quá ư thân thiết đã khiến cho Klong Cọ phải hiện lên. Đứng giữa dòng sông A Sáp, Klong Cọ bảo mọi người:

- Tất cả dân làng phải di chuyển nhà lên trên núi để tránh hiểm họa xảy ra.

Dân làng nghe Klong Cọ nói vậy liền chạy ra bờ sông để tiễn chàng và kể từ đó bà của Klong Cọ cũng thôi khóc. Mọi người đều quay lên bờ để về làng nhưng khi Klong Cọ vừa chìm nửa người xuống thì nước sông nhích lên bờ vừa một bàn chân, lúc sau sông dâng lên cao bằng một sải tay, dân làng thấy chuyện lạ vậy thì bắt đầu lùi dần nhà cửa lên cao bằng một sải tay... rồi bỏ vùng thấp lùi dần lên núi, phần nào ngập nước thì phần đó sẽ biến thành con sông rộng và một lúc sau chàng Klong Cọ chìm hẳn xuống, nước sông đã dâng lên tận chân núi cũng là lúc dân làng đã yên vị ở nơi cao ráo mà nước sông không bao giờ lên nổi.

Chính vì lẽ đó mà ngày nay nhiều người đã hiểu tại sao người Tà ôi tránh ở những vùng thung lũng mà họ lại thích ở và làm nhà trên lưng chừng núi". Trần Nguyễn Khánh Phong (Sưu tầm và biên soạn) với sự cộng tác của Lê Thị Quỳnh Tường: *Apôk Sâu Arâu Kông (Truyện cổ Tà ôi)*. Bản vi tính, 142 trang A4, tài liệu chưa xuất bản.

12. Khổng Diễn, "Đa dạng vùng và dân tộc - khả năng giải quyết trên phương diện văn hóa của Nhà nước". Tạp chí *Dân tộc học*, số 1 (115), 2002, trang 7.
13. Có chuyện kể rằng: "Ngày xưa, khi thấy người Tà ôi dệt vải Dzèng mang đi bán cho người vùng thấp, người Pa cô liền cử một số cô gái theo về làng người Tà ôi để học nghề dệt vải. Người Tà ôi cũng vui vẻ truyền nghề cho các cô gái đó. Sau vài tháng học được nghề dệt vải, các cô gái Pa cô về lại làng cũ, đem theo sợi vải và bộ khung dệt từ làng người Tà ôi về để làm vốn. Hằng ngày các cô gái này ra sân hiên nhà để ngồi dệt vải, dệt được 5 ngày khi tấm vải sắp hoàn thành thì không biết từ đâu có con chim đại bàng bay đến lượn quanh sân nhà rồi thả xuống ngay chỗ các cô gái ấy ngồi một con rắn, các cô gái thấy sợ, hét lên một tiếng to rồi vút đồ đạc mà bỏ chạy, chạy mãi không thấy họ về. Dân làng hốt hoảng đi tìm nhưng chẳng thấy đâu cả, tấm vải Dzèng mà các cô gái ấy dệt chưa xong đành để vậy qua ngày tháng và rồi từ đó trong làng chẳng có ai nghĩ đến chuyện dệt Dzèng và thế là họ lại mua Dzèng từ người Tà ôi để mặc". Trần Nguyễn Khánh Phong (Sưu tầm và biên soạn) với sự cộng tác của Thành Phiên: *Pangky Nhiért (Truyện cổ Tà ôi)*. Bản vi tính, 130 trang A4, tài liệu chưa xuất bản.
14. Trần Nguyễn Khánh Phong, *Danh sách nghề nhân Tà ôi truyền nghề ở Việt Nam*. Bản vi tính, 320 trang A4. Tài liệu hạn chế. Ở trong này chúng tôi thống kê cả hai nhóm người là Pa cô và Pa hi.
15. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên, GS Hoàng Tuệ chủ nhiệm công trình, *Sách học tiếng Pacô - Tà ôi*. Huế 1986, trang 11.
16. Nguyễn Văn Mạnh: *Bài đã dẫn*, trang 53.
17. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học, *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975, trang 35.

TÓM TẮT

Bài viết nêu lên những nét tương đồng và dị biệt giữa người Pa cô và người Tà ôi nhằm góp thêm ý kiến về việc xác định thành phần dân tộc của 2 nhóm tộc người này và làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng đề án xin bổ sung dân tộc Pa cô vào Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tác giả cho rằng việc tách người Pa cô và người Tà ôi thành hai dân tộc là phù hợp, xét trên các phương diện dân tộc học, ngôn ngữ... và đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của đồng bào Pa cô. Tuy nhiên, việc chia tách các dân tộc là vấn đề mang tính thời sự và nhạy cảm, nên cần được xem xét thận trọng và không thể tiến hành vội vàng, để không ảnh hưởng xấu đến sự phát triển ổn định đất nước.

ABSTRACT

SOME OPINIONS ABOUT THE COMPOSITION OF ETHNIC GROUPS TÀ ÔI AND PA CÔ IN THỪA THIÊN HUẾ

The article brings out the similarities and differences between the Pa cô and the Tà Ôi groups so as to help clarify the distinctive racial composition of these two groups. This is meant to be a scientific basis for a proposal to separate and include the Pa cô group into the list of independent ethnic groups of Vietnam in Thừa Thiên Huế.

The author believes that to divide the Pa Cô - Tà Ôi ethnic group into two separate groups is quite logical as far as ethnology and linguistics are concerned. Also the separation will respond to the Pa cô people's psychology and wishes. Division of a people, however, is one of the complicated issues of these days and is of a sensitive nature. Therefore, any plan to achieve that should be carefully considered and should not be carried out in a hurry so as not to cause bad impact on the development and stability of the nation.